

CHƯƠNG 7.

Biểu diễn ở Bastogne (Belgique).

Bastogne là một trong năm quận chính của tỉnh Luxem-bourg, miền Đông-Nam nước Bỉ, nằm trong vùng Ardennes, sát biên giới nước Lục Xâm Bảo. Thời Đệ II Thế Chiến, từ tháng 5/1940, Ardennes được dùng là cửa ngõ chiến lược của Đức để tràn xuống các vùng Tây Âu.

Tháng 12/1944, trước sức tấn công vũ bão của quân đội Đức trên toàn vùng Ardennes, tướng Eisenhower¹ đã tung Sư đoàn Không chiến 101 vào Bastogne. Sư đoàn này ở lại chống cự từ ngày 21 đến 26/12/1944.

Ngày 27/12/1944, những chiến xa của Sư đoàn III do Tướng Patton² cầm đầu đã đánh tan những chiến đoàn bọc sắt của Thống chế Von Rundstedt³, tái lập liên lạc với những người trong quân đội Đồng Minh đang bảo vệ Bastogne.

Trận đánh dữ dội ở Bastogne là trận đánh quyết định, được sử dụng toàn những chiến đấu cơ, thiết giáp xa hạng nặng; và chấm dứt vào ngày 1 tháng 2/1945. Chiến thắng Bastogne được kể là sự mở màn cho các trận thua liên tiếp của quân đội Đức ở khắp nơi trên thế giới, trước khi kết thúc chiến tranh tháng 5/1945.

Sau Đệ II Thế Chiến, để kỷ niệm trận đánh Bastogne, người ta đã cho dựng lại ngay tại đây những hình ảnh giống như thật của các tướng lĩnh, các vị chỉ huy và binh lính quân đội Đồng Minh trong một cuộc họp bàn chiến lược. Nằm giữa một vùng bốn bề gió lộng với những hàng thông vi vút và những giáo đường được xây lên từ thế kỷ thứ 7, thứ 8, nơi lịch sử này đã thu hút rất nhiều du khách. Một cái đài xây theo hình bát giác, nằm trên mô đất cao, có khắc tên nhiều tiểu bang nước Mỹ cùng tên những quân nhân đến từ các tiểu bang này và đã bỏ xác tại đó. Vài chiến xa từ thời 1944 vẫn còn nằm cạnh khu phố chính, ngay giữa con đường được đánh dấu bằng một trụ hình bầu dục có vẽ bó đuốc rực sáng, bên dưới hàng chữ “Voie de la Liberté, 1944” (Con đường của Tự Do, 1944).

□

Đầu tháng 12/1977, trở vào ngang Qui Nhơn, quê hương của người anh hùng dân tộc Quang Trung.

**/ Năm Quý Dậu (1753), tại thôn Kiên Mỹ, làng Phú Lạc, ấp Kiên Thành, huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn (nay là đất của xã Bình Thành, huyện Tây*

¹ Dwight David Eisenhower (1890-1969), Đại tướng người Mỹ trong quân đội Đồng Minh thời Đệ II Thế Chiến.

² George Smith Patton (1885-1945), Đại tướng người Mỹ trong quân đội Đồng Minh thời Đệ II Thế Chiến.

³ Gerd Von Rundstedt (1875-1953), Thống soái người Đức trong quân đội Đức thời Đệ II Thế Chiến.

Son, tỉnh Nghĩa Bình), trong một căn nhà lá nhỏ nằm bên bờ sông Côn⁴, một bậc kỳ tài lưu danh thiên cổ đã ra chào đời: NGUYỄN HUỆ.

*/ Ông là con trai thứ ba của hai ông bà Hồ Phi Phúc và Nguyễn Thị Đông. Tổ tiên gốc gác bốn đời là con cháu Hồ Quý Ly, trước ở huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Trong một trận phản công vượt qua sông Gianh của chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần năm Quý Tỵ (1653), gia đình một vị tổ tiên của Nguyễn Huệ là Hồ Phi Khanh đã bị quân nhà Nguyễn bắt đưa vào huyện Qui Ninh (nay là Hoài Nhơn) ở ấp Tây Sơn thượng⁵ để khẩn hoang. + Sau, nhà Hồ Phi Khanh dời xuống ấp Kiên Thành thuộc huyện Tuy Viễn.

*/ Thuở nhỏ, Huệ cùng hai anh là Nhạc và Lữ theo học với thầy Hiến cả về văn lẫn võ.

*/ Giáo Hiến là kẻ nặng lòng với thời cuộc, có người bạn là Trương Văn Hạnh làm đến chức Nội Hữu Ý Đức Hầu (thuộc Tứ trụ Đại thần) dưới triều Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát, bị loạn thần Trương Phúc Loan ở Đàng Trong giết hại. + Giáo Hiến bèn bỏ xứ Huế trốn vào ấp An Thái (Qui Nhơn) mở trường dạy học. + Ông căm hờn Trương Phúc Loan, lại thương tiếc bạn hiền nên thường trút bầu tâm sự cùng đám môn sinh, đặc biệt là với ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ mà ông thấy có nhiều khí chất hơn người.

*/ Gia đình ông bà Hồ Phi Phúc khi đó đang làm nghề buôn trâu với các cư dân miền sơn cước. Người anh cả (Hồ Nhạc) vận động được chức Biện Lại tại Vân Đồn, coi việc thu thuế ở địa phương. + Nhạc đánh bạc thua hết tiền thuế nên sợ tội bỏ vào rừng, cùng hai em đổi sang họ Nguyễn, lập đồn trại chống quan quân, đóng ở Tây Sơn, chiêu nạp theo mình được rất nhiều dân chúng nghèo khổ.

*/ Năm Tân Sửu (1771), Nguyễn Nhạc đã tập hợp được khá nhiều đồ đảng, đa số toàn những tay giang hồ hảo hán.

*/ Mùa Xuân năm 1771, đất Tây Sơn sôi động, lá cờ khởi nghĩa bằng lụa đỏ dài 10 mét được phát lên với khẩu hiệu “Lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo”; đồng thời lời hịch kể tội Trương Phúc Loan được rao truyền khắp nơi. Các tầng lớp dân chúng đều hăng say hưởng ứng.

*/ Năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc lập kế tự ngồi vào cũ để đồng đảng khiêng nộp cho Tuấn phủ Qui Nhơn. + Nửa đêm, Nhạc ra khỏi cũ, mở cổng cho quân mình tràn vào, chiếm được thành. + Từ đó thanh thế ba anh em vang dậy khắp nơi. + Có hai người lái buôn là Tập Đình và Lý Tài bỏ tiền mộ quân theo họ.

+ Đám quân tướng này đều là người Tàu, vóc dáng cao lớn, đầu cao trọc, tướng tá hung hãn. + Khi ra trận họ uống rượu say, mình để trần, cổ đeo bùa giấy vàng, giấy bạc, xông pha rất liều lĩnh.

*/ Từ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, Nguyễn Huệ trở thành người anh hùng vĩ đại của dân tộc VN. Trận đại phá quân Thanh mùa Xuân năm Kỷ Dậu

⁴ Sông Côn ngày xưa gọi là sông Tuy Viễn, phát nguyên từ vùng giáp ranh giữa ba tỉnh Quảng Ngãi, Kontum và Bình Định cũ, chảy xuống Định Quang, Phú Phong. + Đến Phú Phong, sông có thêm nguồn nước của sông Đà Rằng chảy vào nên lòng sông mở rộng và chảy đến địa đầu An Nhơn thì chia ra làm nhiều nhánh, cuối cùng đổ ra đầm Thị Nại. + Sông Côn sau này có Bến Trầu, nơi Nguyễn Nhạc dùng để đón khách trong những chuyến đi buôn lịch sử của một thời tiền anh hùng khí Tây Sơn.

⁵ Nay là thôn An Khê, thuộc huyện Bình Khê, phủ Hoài An, vùng Hòn Một gần đèo An Khê, trên con đường từ Qui Nhơn, Bình Định đi Kontum-Pleiku.

(tháng 1/1789 là chiến công lỗi lạc nhất của ngài. Kéo dài sau đó là những công cuộc bình định, đem lại hòa bình cho dân tộc.

*/ Tiểu thuyết, Vua Quang Trung chỉ xuất hiện như một vì sao sáng chói trên bầu trời lịch sử tối đen của Tô quốc cuối thế kỷ 18, rồi vụt tắt.

+ Ngày 29 tháng 7 Nhâm Tý, giờ dạ Tý (11:30 khuya 16/9/1792), Ngài qua đời, làm vua được 4 năm, thọ 40 tuổi, niên hiệu Quang Trung thứ 9, miếu hiệu Thái Tổ Vũ Hoàng Đế. Cái chết của ngài đã để lại biết bao thương tiếc trong sử sách VN hằng trăm năm sau.

*/ Trước khi chết, Ngài cho đòi Tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu vào, dặn chôn cất cho mau nội trong một tháng rồi dời kinh về Phượng hoàng Trung đô. "Nếu không, quân Gia Định (của Nguyễn Phúc Ánh) kéo tới, các người sẽ không có đất mà chôn đâu."

*/ Ngày nay, từ Qui Nhơn theo Quốc lộ 19 đi 42km, đến thị trấn Phú Phong thuộc huyện Tây Sơn (cách 21km), rẽ phải, qua cầu sông Côn là đến điện thờ Tây Sơn.

+ Năm 1960, tại huyện Tây Sơn, xã Bình Thành, thôn Kiên Mỹ, nơi cư trú cũ của song thân Nguyễn Huệ có dựng căn "nhà lưu niệm Quang Trung".

+ Ở đây còn tồn tại (từ thời Tây Sơn) cái giếng và hai cây me cổ thụ trông ngay hai bên điện. + Cách 500m, có bên thuyền, thuở xưa ông Hồ Phi Phúc làm nghề đưa đò qua sông.

*

**

Đoàn dừng bên tại Qui Nhơn, trung tâm văn hóa, chính trị và kinh tế của tỉnh Nghĩa Bình.

Thành phố và hải cảng được dựng bên vũng Thị Nại (tên cũ người Chăm đặt là *Cri Vini*), nước sâu, tàu hàng ngàn tấn có thể vào được; ngoài khơi có Cù lao Xanh che kín gió. Cù lao Xanh (nay là xã Nhơn Châu) rộng khoảng 5km vuông, cách bờ biển Qui Nhơn độ 30km, dân số chừng hai ngàn người, chuyên nghề đánh cá và khai thác san hô. Cù lao Xanh là bức bình phong chắn gió cho cảng Qui Nhơn. Vì vậy, dân ở đây có câu:

"*Cửa Giả* (tức Qui Nhơn) có *hòn áo ngoài*
Các lái chạy dài gọi Cù lao Xanh".

... ..

Có cơn bão từ Miền Bắc thổi vào làm Qui Nhơn gió mưa tầm tã. Biển động. Trời thật lạnh.

Đoàn nghỉ hát đã ba đêm. Chúng tôi chẳng ai được lãnh lương. Trước cửa và ngay trong rạp, từng chiếu rượu được gầy lên đây đó. Thứ giải trí thông thường của hai phần ba nhân viên đoàn vẫn là uống rượu. Không phải là không có những luật lệ ban ra để ngăn cấm điều trên, nhưng trong một môi trường mà sự dễ dãi đã trở thành cái nếp thì điều ngăn cấm này chẳng hiệu quả gì mấy. Mãi rồi, luật lệ chỉ còn là những huấn lệnh suông được nhắc lại trong các buổi họp đoàn mà không có ý nghĩa giá trị thật sự. Trừ các giờ diễn, tất cả nhân viên đều được quyền sống theo ý thích cá nhân.

Ba đêm không hát, chúng tôi ngày hai buổi đến rạp ăn cơm rồi về khách sạn ngủ. Tôi được dịp nhìn sâu hơn về đời sống Cải Lương.

Từ xưa, ở Miền Bắc đã thấy xuất hiện lối Hát Chèo hay Hát Tuồng. Ở Miền Trung là lối Hát Bội. Riêng tại Nam phần, rải rác trong các tỉnh chỉ có các ban tài tử đờn ca trong các buổi lễ lạc đình đám tư gia.

Năm 1910, ở Mỹ Tho xuất hiện ban tài tử của ông Nguyễn Tổng Triều (tục gọi Tư Triều) được người dân địa phương hoan nghênh nhiệt liệt.

Tuy nhiên phải đến năm 1917, do bởi sáng kiến của ông Châu Văn Tứ, một người giàu có ở Mỹ Tho, đưa ban ca kịch tài tử lên sân khấu biểu diễn đàng hoàng với phong cảnh và y trang nhiều màu sắc, bộ môn Cải Lương mới thật sự thành hình và phát triển rất nhanh.

Cho đến các năm 30 thì đã có nhiều đoàn Cải Lương chuyên nghiệp ra đời và hoạt động mạnh. Thời kỳ đầu tiên của ngành sân khấu Cải Lương có những khuôn mặt đào kép trứ danh xuất hiện: *cô Năm Phi, cô Bảy Phùng Há, cô Tư Sạng..., kép Hai Giỏi, kép Năm Châu, kép Tư Chơi, kép Ba Du, kép Tám Mẹo, kép Năm Long...*

Sau khi đã phổ biến trong toàn cõi Nam phần, điệu hát Cải Lương được đem ra trình diễn ngoài Trung và Bắc, được tán thưởng nồng nhiệt. Có thể nói, chưa có ngành nghệ thuật nào phát triển nhanh như Cải Lương, và cũng chưa có ngành nghệ thuật nào thu hút khán giả mạnh bằng Cải Lương.

Từ đó, sau hơn hai mươi năm hoạt động, Cải Lương đã trở nên rất quen thuộc với quần chúng khắp nơi trong hàng trăm vở diễn trên đủ mọi đề tài kim cổ Đông Tây.

Từ sau 1975, các gánh hát Cải Lương không còn do tư nhân quản lý, mà phải qui tụ vào một môi kiểm soát của nhà nước trên mặt hình thức.

Đoàn hát tôi đang tham gia là một trong vài đại ban, trực thuộc ngành Nghệ Thuật Sân Khấu sở Văn Hóa và Thông Tin thành phố Hồ Chí Minh. Ngoại trừ ban quản trị, có hai thành phần rõ rệt trong một đoàn hát: *thành phần nghệ sĩ* (bao gồm các tổ Diễn Viên, Cổ Nhạc và Tân Nhạc); *thành phần công nhân* (bao gồm các tổ Dân Cảnh, Y Trang, Âm Thực, Phòng Vé và Xe Cộ). Trong quy chế lương phạn, bồi dưỡng nhu yếu phẩm hay phòng ngủ, xe cộ mỗi lần lưu diễn xa, giới nghệ sĩ được ưu đãi hẳn so với giới công nhân. Dầu vậy, trong những sinh hoạt hằng ngày của đoàn, điều nói trên vẫn không làm hai giới này xa cách. Một anh diễn viên hạng nhất có thể ngồi uống rượu lê la với các anh công nhân trong tổ Dân Cảnh. Một chàng nhạc sĩ Tân Nhạc có thể ngồi uống *café* “*đầu đường xó chợ*” với ông trưởng đoàn. Tình thân ái là điểm son nổi bật trong đời sống Cải Lương, nảy sinh từ những chuyến lưu diễn dài, tháng này qua tháng khác.

Trong vai trò một nghệ sĩ Tân Nhạc, tôi rất ưa thích giao tiếp với những anh em công nhân. Có gần gũi các con người lao động này mới thấy hiểu và thương được cái đời phiêu bạt Cải Lương. Có những người gắn bó cả cuộc sống mình vào trong gánh hát, từ trước và sau tháng 4/1975, như một thứ nghiệp dĩ. Có những người đã từng là diễn viên phụ, nay về già vẫn cứ bị ánh đèn sân khấu quyến rũ, phải xin vào đoàn với bất cứ chức vụ khiêm tốn nào. Có những người không hề biết đến trường học là gì khi từ nhỏ đã theo đoàn đi khắp nơi lưu diễn. Lại cũng có người không gia đình, nhà cửa, chỉ lấy hậu trường sân

khẩu làm mái ấm (cái mái ấm giới hạn vòn vẹn trong chu vi của một chiếc chiếu nhỏ và cứ phải di chuyển luôn luôn).

Một anh công nhân bảo tôi: “*Đã ăn cơm Cái Lương là phải đi theo Cái Lương hoài; chừng nào Tổ tha mới được ra!*”

“*Tổ Cái Lương*” cũng là một điều huyền bí gợi lên trong tôi không biết bao nhiêu tò mò thú vị. Một cái kệ thờ được đặt nơi góc trang trọng nhất trong hậu trường với bánh trái và khói nhang nghi ngút. Ai đi qua đó cũng phải cúi đầu. Trước khi ra sân khấu, các diễn viên thường thấp nhang khấn vái trước bàn thờ Tổ để xin được diễn cho hay, hát cho ngọt. Đã có những quy luật bất thành văn mà chỉ người trong giới mới biết và tuân theo triệt để. “*Không bao giờ được mang đôi guốc làm bằng gỗ vông lên sân khấu. Không được đánh trống châu trước mỗi giờ hát. Không được bỏ thí tiền cho kẻ ăn xin. Và hàng năm vào khoảng tháng Chín âm lịch, đoàn phải nghỉ hát để làm lễ giỗ Tổ Cái Lương, thật linh đình trang trọng.*”

□

Vianden (Lục Xâm Bảo).

Tuyết rơi trắng xóa trên các con đường. Cuộc biểu diễn ở Saint Hubert bị bãi bỏ vào giờ cuối nên chúng tôi rủ nhau đi Vianden. Cả bọn chia làm hai xe, nối đuôi nhau vượt biên giới nước Bỉ.

Vianden là một thị trấn du lịch nằm ở phía Bắc nước Lục Xâm Bảo, sát biên giới Đức. Nơi đây cảnh sắc thật nên thơ. Tòa lâu đài vương giả – có từ thế kỷ 11 và được trùng tu lại năm 1906- đứng sừng sững trên đồi cao nhìn xuống dòng suối nhỏ đóng băng dày cứng. Hai bên con đường, tuyết bám đầy trên các ngọn thông. Lốp lá mục rơi từ năm này qua năm khác trong các rừng cây (mà đập lên ấy, giống y như đang đập lên một tấm thảm mềm) cũng bám đầy tuyết. Cảnh sắc nên thơ của vùng Vianden là một bức tranh toàn trắng mà chỉ Thượng Đế mới pha được một cách tài tình cái màu trắng sáng ngời ấy thôi.

Claudia hỏi tôi: “Chị có thích tuyết không?”

Tôi đáp: “Ngày nhỏ, nhìn tuyết qua các bức tranh, tôi rất thích.”

Claudia cười: “Còn bây giờ?”

Tôi lắc đầu: “Bây giờ đối diện với nó, tôi lại nghe sợ!”

Và thêm: “Sợ, nhưng vẫn chiêm ngưỡng chứ không còn thích nữa.”

□

Hai ngày cuối ở Qui Nhơn

Một trang Sử rất vẻ vang của dân tộc VN:

**/ Năm Mậu Thân (1788), vua Lê Chiêu Thống sang nước Tàu, xin đem quân cứu viện giành lại sứ sở An Nam khi ấy đã rơi vào tay Tây Sơn. Vua Càn Long nhà Thanh bèn mượn tiếng “cứu Lê”, phong cho Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (chỉ là một quan văn!) làm Đại tướng thống lĩnh 29 vạn quân sang chiếm nước Nam.*

+ Quân Thanh chia làm ba đạo tiến vào đất Việt:

- Đạo thứ nhất do chính Tôn Sĩ Nghị và Đô đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy, bắt từ ai Nam Quan đổ xuống.

- Đạo thứ hai do Đề đốc Ô Đại Kinh điều khiển gồm những binh sĩ lấy ở Vân Nam và Quý Châu, rời từ Tuyên Quang tiến vào.

- Đạo thứ ba do Sầm Nghi Đống, Tri phủ Điền Châu từ Cao Bằng vượt sang.

*/ Ngày 20/11 năm Mậu Thân (17/12/1788 dl), quân Thanh đến hạ trại ở Yên Phụ (giáp thành Thăng Long) được vua tôi nhà Lê tiếp đón trọng thể.

+ Ngày kế tiếp 22/11 (18/12/1788 dl), Tôn Sĩ Nghị làm lễ sắc phong Lê Chiêu Thống làm An Nam quốc vương, nhưng các tờ văn thư vẫn phải đề niên hiệu Càn Long.

+ Trong dịp này, đoàn quân của Ô Đại Kinh từ Vân Nam tràn xuống Hưng Hóa đã ngừng ở đây để chờ đợi nghe Tôn Sĩ Nghị ban những cuộc hành quân dự định.

*/ Phần Tôn Sĩ Nghị thấy việc vào đất An Nam dễ dàng, sinh ra kiêu căng cho rằng Tây Sơn chẳng có gì đáng sợ. Hắn ra lệnh quân sĩ đóng đại bản doanh ở cung Tây Long bên bờ sông Nhị Hà và bố trí lực lượng phòng thủ quanh Thăng Long, nhất là hướng đường thiên lý và đường thương đạo có đồn Ngọc Hồi và đồn Đống Đa giữ vị trí then chốt. Hắn quyết định cho ba quân ăn Tết, rồi qua đến ngày mùng 6 mới xuất binh, tiến "vào tận sào huyệt của giặc, bắt sống Nguyễn Huệ." (theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí).

*/ Giai đoạn này, thầy trò Lê Chiêu Thống tỏ ra rất uon hèn; triều thần nhà Lê việc gì cũng đều trông cậy vào Tôn Sĩ Nghị. Mỗi ngày sau khi tan buổi chầu, Vua cùng cận thân Lê Quýnh và độ một chục binh lính cưỡi ngựa sang chờ chục bên dinh của Tôn Sĩ Nghị và bị hắn đối xử rất khinh bạc; có khi Vua đến hầu lại không cho yết kiến, mà dẫu có muốn rút lui thì cũng phải chờ có lệnh mới dám đi.

*/ Những ngày giáp Tết năm đó, nhân dân kinh thành đã chứng kiến biết bao tội ác của quân giặc: "Vu hãm những người lương thiện, áp bức cướp bóc những nhà giàu có, thậm chí giữa chợ, giữa đường cũng cướp giạt của cải, hãm hiếp đàn bà, không còn kiêng sợ gì cả"; thêm sự phản bội hèn mạt của bọn bán nước: "Nước Nam ta từ khi có Đế, có Vương đến nay, chưa bao giờ có ông vua nào luôn cúi đầu hèn như thế." (theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí). + Nỗi niềm trông cậy trong lòng người dân, lúc bấy giờ lại biến thành nỗi oán hận khôn nguôi.

*/ Phần quân đồn trú Tây Sơn do tướng Ngô Văn Sở chỉ huy, theo kế sách của Tiến sĩ Ngô Thì Nhậm, đã lui về phòng tuyến Tam Điệp -- Biện Sơn.

*/ Ngày 24/11 Mậu Thân (21/12/1788), từ núi Tam Điệp, Ngô Văn Sở cấp báo về Phú Xuân việc Tôn Sĩ Nghị dưới danh nghĩa "cứu Lê", đem quân vào đất Nam, khí thế mạnh mẽ. + Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lập tức họp các tướng sĩ để bàn việc phản công. + Các tướng đều xin Ngài hãy chính ngôi tôn để yên lòng người rồi sẽ khởi binh. Bắc Bình Vương cho là phải.

*/ Ngày 25/11 Mậu Thân (22/12/1788), Ngài cho đắp đàn ở Bàn Sơn, phía nam núi Ngự Bình, tế cáo trời đất, rồi tự tay đội mũ miện, khoác áo hoàng bào, làm lễ đăng quang, lấy hiệu Quang Trung nguyên niên. + Xong tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh, rầm rộ tiến ra Bắc Hà, mạnh như thế bạt núi chẻ tre.

*/ Ngày 29/11 Mậu Thân (26/12/1788), đại quân Tây Sơn tới Nghệ An, nghỉ lại đây 10 ngày để tuyển thêm quân, cả thầy được 10 vạn người và hơn 100 con voi.

+ Trước mặt toàn thể binh tướng, vua Quang Trung truyền dụ, nhu bảo mọi người phải cố gắng đánh giặc giúp nước.

+ Có đoạn Ngài nói: "Ta ở phương Nam, người Hán ở phương Bắc, trong vòng trời đất đã có sự phân chia như vậy, đáng lẽ ai biết phận nấy, đừng giành giật quyền lợi đất đai của nhau. Bắc-Nam lại là hai giống khác biệt mà từ đời Hán, đời Đường, người Tàu cứ liên tiếp mang quân sang xâm chiếm, vơ vét tài sản dân ta rất là tàn ác; dân ta không ai không nghĩ đến sự quật khởi để cứu nhà cứu nước..."

+ Lời nói tha thiết mà hùng hồn của Vua đã khiến chư quân hết sức cảm động. Ai nấy đều tỏ ra rất hăng say.

*/ Việc hành quân của vua Quang Trung có điều hết sức đặc biệt mà các binh gia kim cổ Á Âu ít người làm được. Đó là lối đánh mau, đánh mạnh, đánh bất ngờ khiến địch không kịp xoay trở và bị đẩy ngay vào thế bị động.

*/ Ngày 20/12 Mậu Thân (15/1/1788), đại quân Tây Sơn đến núi Tam Điệp, nơi tiếp giáp của hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình. Tại đây, Vua truyền cho tướng sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước, để đến hôm trừ tịch sẽ cất quân đi, dự định ngày mồng 7 tháng Giêng thì vào Kinh thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng.

*/ Đúng đêm giao thừa Tết Kỷ Dậu (25/1/1789), quân Tây Sơn bất ngờ tiến công tiêu diệt đồn tiền tiêu của giặc ở Gián Khâu (Ninh Bình), cách Thăng Long gần 90km, mở đầu cuộc đại phá quân Thanh. Tướng nhà Lê trấn giữ Sơn Nam (Nam Định) là Hoàng Phùng Nghĩa hoảng sợ rút về phía sông Nguyệt Quyết thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Bọn thám tử nhà Thanh ủa nhau chạy về Phú Xuyên (Hà Đông) thì bị bắt hết.

*/ Ngày mồng 3 Tết Kỷ Dậu (28/1/1789), nửa đêm giặc Thanh đang ngon giấc bỗng tiếng loa tiếng trống nổi lên, tiếng thét gào của thiên binh vạn mã Tây Sơn đổ ập tới, gây nên một cuộc náo loạn khủng khiếp trong hàng ngũ giặc. Không còn hồn vía, bọn chúng kéo ngay cờ hàng. Quân Tây Sơn chẳng tốn một mũi tên hòn đạn nào, dàng hoàng vào tịch thu quân nhu và khí giới của giặc.

*/ Ngày mồng 5 Tết (30/1/1789), Vua Quang Trung quán chiếu khăn vàng quanh cổ, xắn áo cười voi, hô quân xung phong vào phá đồn Ngọc Hồi. Đi trước Ngài là đạo tượng binh hơn 100 con. + Quân Thanh ứng chiến bằng kỵ binh, nhưng ngựa gặp voi, hoảng sợ, rống lên chạy nhảy tán loạn. Hàng ngũ địch bị tan vỡ, rút vào trong đồn cố thủ.

+ Lũy của giặc có cắm chông sắt tua tua, từ trong đồn, giặc bắn tên ra như mưa.

+ Vua Quang Trung ra lệnh lấy những mảnh ván làm lá chắn, cứ ba mảnh ghép thành một, ngoài phủ rom nhào với bùn đất, rồi cho đám quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người giắt theo bên mình một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí giới tiếp sau, tiến vào đồn Ngọc Hồi theo hàng ngang.

+ Trời tối mịt không trăng sao. Khi vào đến gần cửa đồn thì đám quân Tây Sơn liền quăng ván rom xuống đè lên những chông nhọn của địch; đám có giắt đoản đao ủa theo, lướt qua lẫn đạn, phá các lũy, tràn vào như thác lũ.

+ Quân Tàu chống cự không nổi, xô xao tán loạn, xéo lẫn lên nhau mà chạy.

+ Quân Tây Sơn thừa thế tràn tới, lấy được các đồn, giết quân Thanh, thấy nằm ngổn ngang, máu chảy lênh láng.

**/ Đoàn quân chiến thắng reo hò tiến thẳng về Thăng Long, hạ thêm được hai tiền đồn Văn Diên và Yên Quyết của giặc. + Quan nhà Thanh là Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Sĩ Long, Tả dực Thượng Dục Thăng thấy đều tử trận.*

**/ Ngay trong lúc vua Quang Trung tấn công đồn Ngọc Hồi thì một đạo quân Tây Sơn khác do Đô đốc Bảo và Đô đốc Mưu cầm đầu, tiến đến làng Khương Thượng⁶, vây kín đồn binh của quan Tri phủ Diên Châu là Sâm Nghi Đống. + Kiệt lực vì không được tiếp ứng, chủ tướng họ Sâm tuyệt vọng, trốn ra một gò cao, thất cô tự vẫn trên một cành đa. + (Gò này từ đó được gọi là gò Đống Đa.)⁷*

**/ Lúc bấy giờ tại cung Tây Long, Tôn Sĩ Nghị với cả một lực lượng dự bị khá lớn ở tổng hành dinh, vừa đem được tin báo các đồn Ngọc Hồi và Diên Châu đều bị hạ, hoảng hốt không kịp mặc áo giáp, thẳng yên ngựa, đem mấy tên thân binh vượt cầu phao trên sông Nhị Hà, chạy thoát sang Bắc Ninh.*

+ Quân đội các doanh cũng xô đẩy nhau mà chạy theo chủ tướng.

+ Cầu phao bị đè nặng, chịu không nổi đã gãy sập, người ngựa quân Thanh đều sa cả xuống sông, tiếng kêu la vang dậy một góc trời.

+ Vua Lê Chiêu Thống cùng bà Hoàng Thái hậu và vài cận thân cũng theo Tôn Sĩ Nghị mà chạy sang Tàu.

**/ Vậy là chỉ trong 7 ngày chiến đấu ào ạt, vua Quang Trung đã tiêu diệt được gần 29 vạn giặc Thanh. Đại thắng Thăng Long Xuân Kỷ Dậu là một*

⁶ Làng Khương Thượng thuộc huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, cách Hà Nội khoảng 5km. Sau trận này, xác quân Tàu được xếp thành nhiều gò đồng; đến thời Tự Đức, gom cả vào một cái gò cao ở Thái Hà ấp, gần làng Khương Thượng, hiện nay vẫn còn.

⁷ Sự thật, tuy dân chúng quen miệng gọi là "Gò Đống Đa" nhưng ở cái Gò này, không phải là nơi tướng giặc Sâm Nghi Đống đền tội. Sâm tự treo cổ sáng mùng 5 Tết Kỷ Dậu tại một cành đa trên núi Ốc (tức Loa sơn) nay không còn vết tích nhưng trên bản đồ Hà Nội vẽ năm 1873 thì vẫn còn.

+ Ngoài ra chữ Đống Đa không phải chỉ là tên của cái gò ở trên đã kể. Cho tới cuối thế kỷ 18, khu vực này có nhiều cây đa, được gọi chung là "xứ đồng Đống Đa".

+ Lê Quý Đôn, năm 1771 đã chép trong *Kiến Văn Tiểu Lục* rằng xứ Đống Đa là nơi thi Võ dưới đời Lê.

+ Có điều, Đống Đa chỉ trở thành di tích lịch sử từ khi có cuộc Đại thắng mùa Xuân Kỷ Dậu. + Nguyên do là sau trận này, xác giặc nằm la liệt đầy đồng đầy ngã. Người ta phải thu nhặt lại, xếp thành gò đồng, rồi phủ đất lên. + Có cả thảy 12 gò, gọi là *Kinh nghệ Kinh quán* (nơi chôn xác cá kinh, cá nghệ, tức là xác giặc). Sau đó đa mọc rậm rì trên những gò ấy.

+ Nửa thế kỷ sau, khoảng 1851, nhân mở chợ Nam Đồng, phải làm đường san đất, người ta đã gặp nhiều hài cốt trước chưa thu lượm hết. Tổng đốc Hà Nội cho gom các cốt lại, chôn ở một cái gò thuộc đất làng Nam Đồng, thành ra *Kinh quán thứ 13*. + Dân hai làng Nam Đồng & Trịnh Quang còn đứng ra xây một ngôi chùa trước gò này, tên là chùa Đồng Quang.

+ Về sau bọn khách trú ở Thăng Long lập đền thờ Sâm Nghi Đống ở ngõ Sâm Công, sau phố Hàng Buồm.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương có vịnh bài thơ tuyệt cú rằng:

"Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo

Kìa đèn Thái Thú đứng cheo leo

Vì đây đôi phận làm trai được

Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?"

trong những chiến công hiển hách nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc VN, cũng đáng xếp vào hàng đầu các chiến công lẫy lừng của những danh tướng Đông -- Tây kim cổ.

*/ Ngay sau khi giải phóng Thăng Long, vua Quang Trung đã ra lệnh chiêu nạp và nuôi dưỡng tất cả tù binh và hàng binh Thanh, lại sai thu nhặt xác giặc trên các chiến trường chôn thành 12 gò đống, lập đàn cúng tế. Bài văn tế biểu thị tấm lòng độ lượng của Vua, có đoạn như sau:

"Nay ta: sai thu nhặt xương cốt chôn vùi,
Bảo lập đàn bên sông cúng tế
Lòng ta thương chẳng kể người phương Bắc
Xuất của kho mà đắp điểm đống xương khô.
Hồn các người không vợ vẫn trời Nam
Hãy lên đường mà quay về nơi hướng chỉ
Nay kính ngưỡng ta đây là chủ chan chứa lòng thành
Mong sao đáp lại đạo Trời dạt dào lễ sống."

*

**

Cơn bão đã qua nhưng khí trời vẫn còn âm u lạnh lẽo. Buổi chiều thường xuống nhanh để chuyển sang màu tối. Tôi ưa thích sự việc cùng người bạn chơi *trompette* thả bộ ra phố uống *café* trong một cửa hàng ăn uống quốc doanh.

Từ sau tháng 4/1975, hầu hết mọi cơ sở buôn bán tư nhân đều phải bị gom vào một môi kiểm soát của nhà nước. Các tiệm ăn, quán nước cũng không ra ngoài quy luật đó. Cả một hệ thống "quốc doanh" được lập ra trên đủ mọi ngành nghề thương mại. Từ các *công ty ăn uống quốc doanh, xe đò quốc doanh, tàu bè quốc doanh...* cho đến các *công ty mậu dịch quốc doanh, ca múa quốc doanh, chiếu bóng quốc doanh...* đâu đâu cũng đều là *quốc doanh* cả.

Thời gian đầu cuộc đổi đời, đa số các cửa hàng ăn uống quốc doanh đều vắng khách. Dân miền Nam vẫn còn "hoài cổ" nên ưa thích lui tới các quán *café*, quán ăn tư nhân dựng lên từ trước 1975. Tuy nhiên, từ sau cuộc đánh tư sản cuối năm 1975, các quán hàng tư nhân "sập tiệm" gần hết. Vậy là một cõi tung hoành, các cửa hàng ăn uống quốc doanh trở nên phồn thịnh từ đây.

Cửa hàng ăn uống quốc doanh chúng tôi thường ghé lại mỗi chiều lạnh trời ở Qui Nhơn nằm ngay đầu phố chợ, cạnh bên bến xe lam rộn ràng tấp nập. Ở đây, thức ăn được bán không thiếu món gì, giá lại rẻ, vì vậy mà quán luôn luôn đông khách.

Ngay cửa ra vào có treo một quyển sổ dày độ hai trăm trang, ngoài bìa ghi bằng mực đậm "Sổ Ý Kiến Của Khách". Những ý kiến được ghi phản ảnh ít nhiều ý nghĩ của dân khiến chúng tôi vô cùng thích thú:

"Cửa hàng đẹp, sạch sẽ tương đối, nhưng thịt khiêm nhường quá so với rau bày ra trong đĩa."

"Một phần giò thủ nếu giá một đồng thay vì hai đồng chắc hẳn tốt hơn; bởi vì lương lãnh vào chẳng được là bao, trong khi giá sinh hoạt ngày càng đắt đỏ."

"Thuở trước ở Miền Nam, rau muống là đồ bỏ cho lợn heo ăn, mà bây giờ sao lên giá quá cỡ thợ mộc, cán bộ nhiều tiền cũng không dám chê là đồ bỏ!"

“Bia pha quá nhiều nước lạnh, để làm gì vậy, đâu có khiến cho ai say được mà quên đi cái đời tối như mồm chó, chỉ tổ làm đầy túi các bà chủ nhiệm môi vầu miệng hồ!”

“Thức ăn ngon, giá vừa phải, nhưng nếu để cho các em Miền Nam mỹ miều phục vụ khách có lẽ thú vị hơn là các em Bắc Kỳ chanh chua xấu xí!”...

Cứ vậy, mỗi buổi chiều lạnh trời ở Qui Nhơn, tôi và người bạn vẫn tìm đến cửa hàng ăn uống quốc doanh nơi đầu phố chợ để đọc thêm trong Sổ Ý Kiến những “ý kiến” mới. Những ý kiến phản ánh tư tưởng thâm kín mà bình thường giữa thanh thiên bạch nhật, đó ai dám nói ra bằng lời một cách công khai?!

□